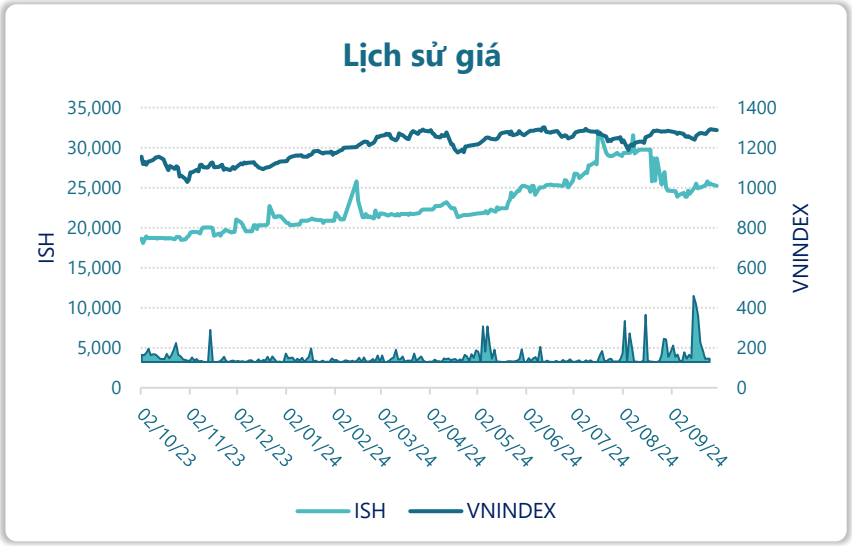
FireAnt

CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (UPCOM: ISH)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,034
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,076
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,975
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,179
P/E	15.8
EPS	1,657

DT thuần

Q3/24

71.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.9| 68.6%

YoY: ▼3.50| -4.7%

LN sau thuế

Q3/24

33.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.8| 115%

YoY: ▼1.40| -4.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

58.8%

DT thuần

9T 2024

138

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -17.4%

LN sau thuế

9T 2024

53.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.4| -25.9%

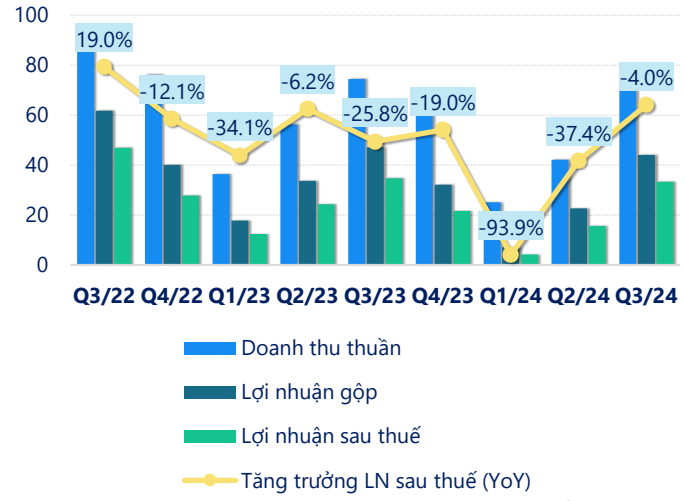
ROE

Q3/24

12.8%

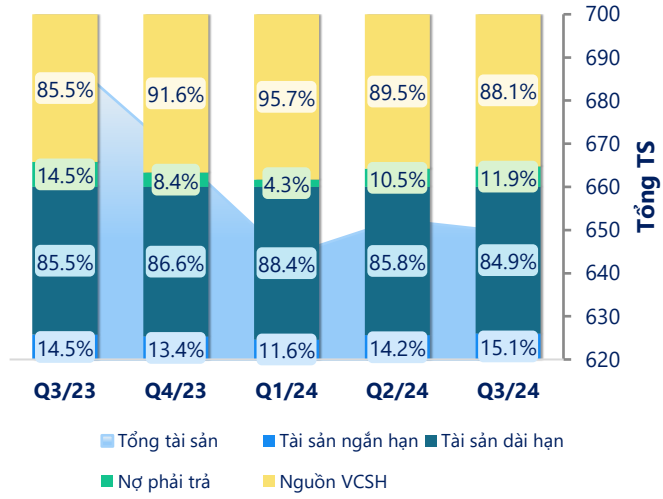
+/- YoY: ▼ 4.1%

Kết quả kinh doanh



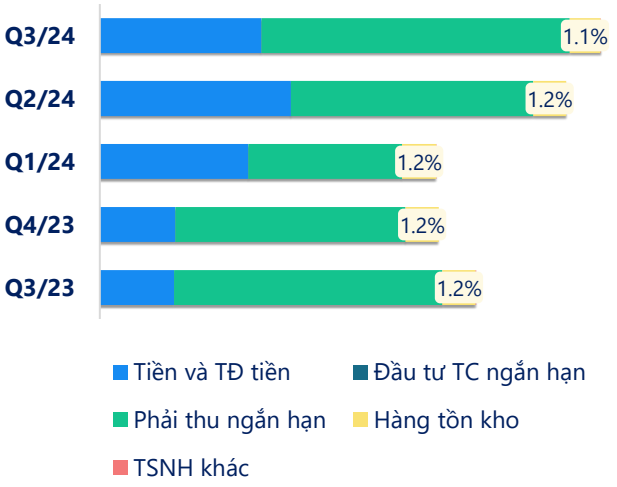
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



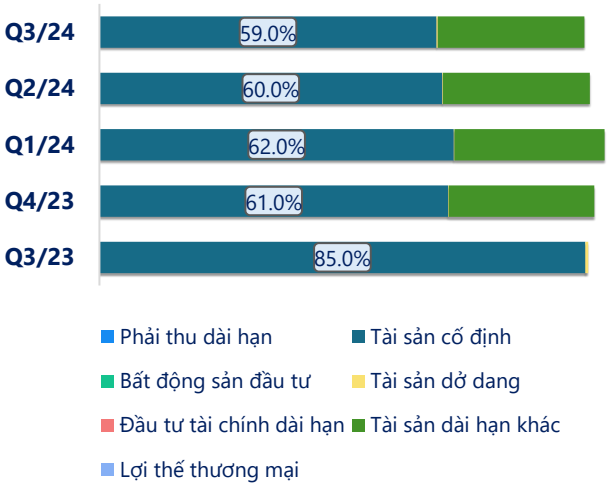
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



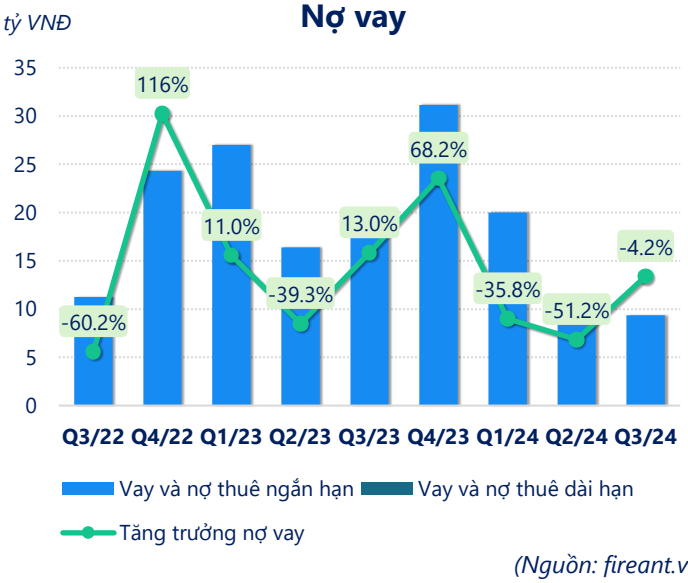
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



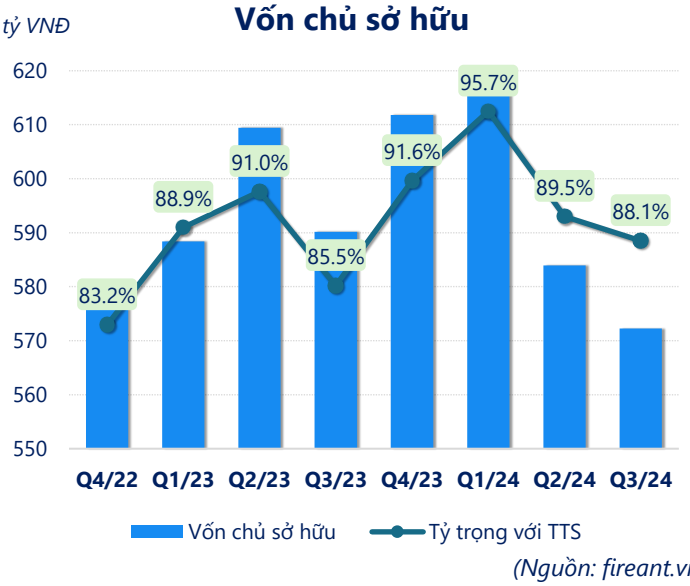
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



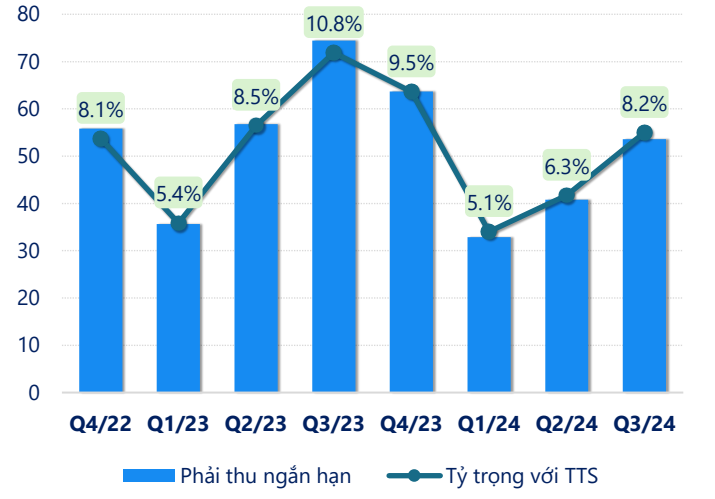
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



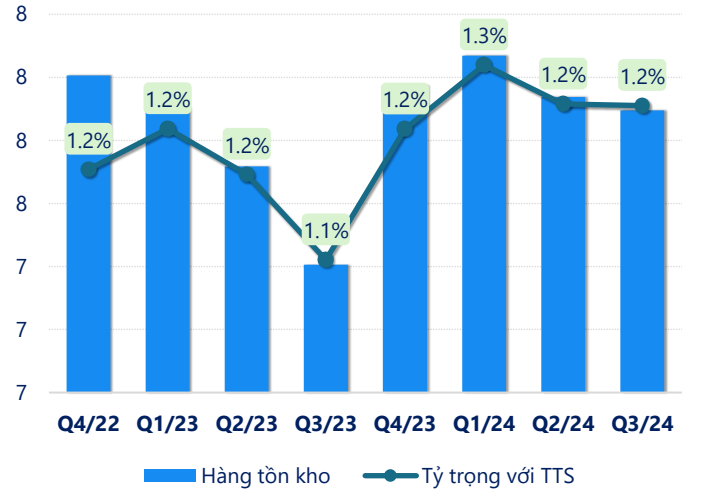
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



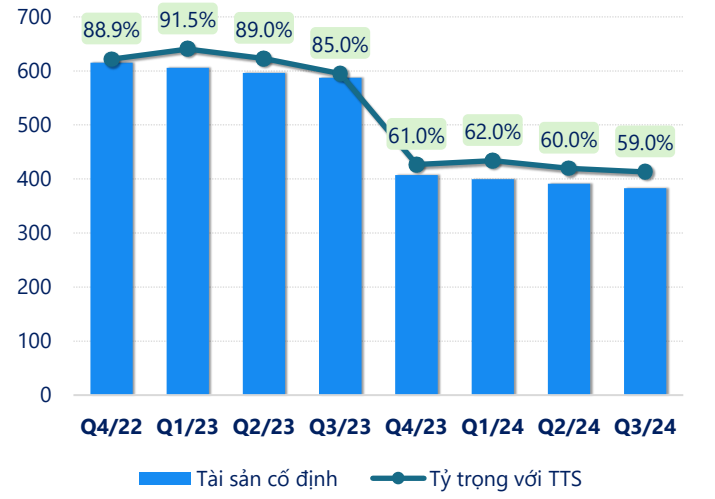
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



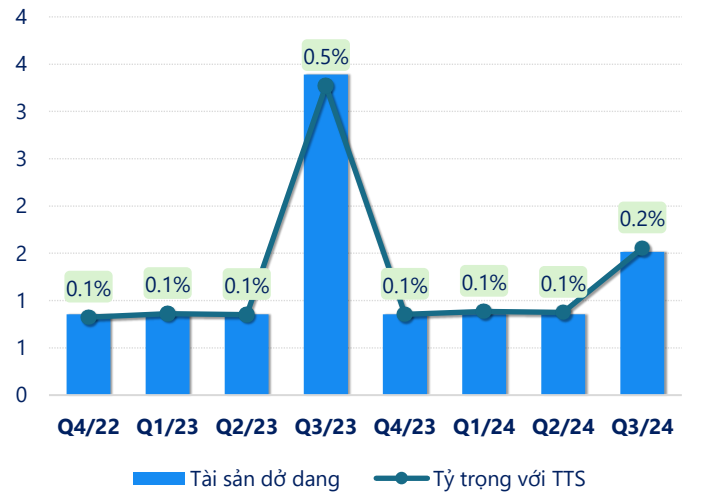
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



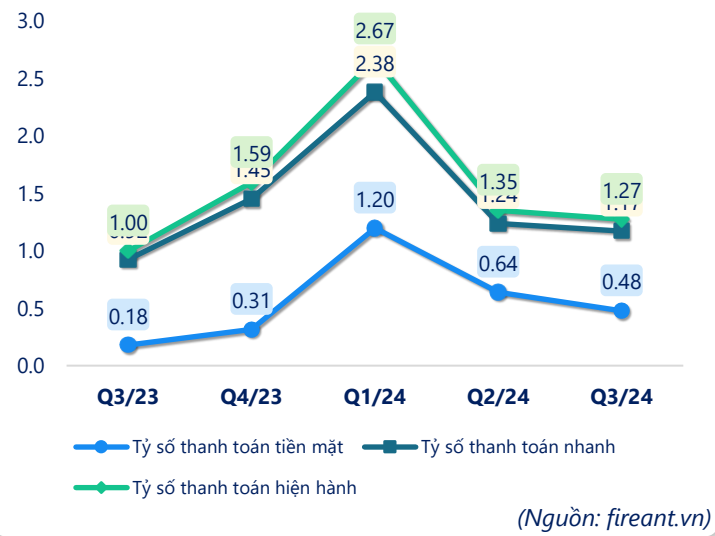
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



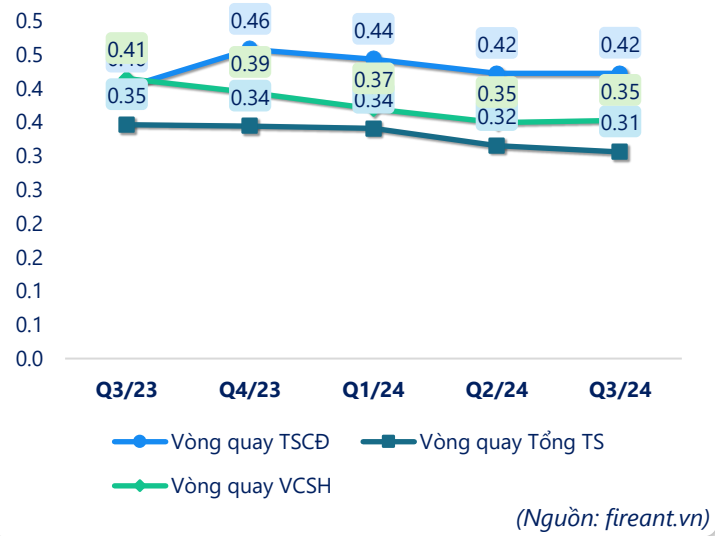
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**690**	**668**	**644**	**652**	**650**
Tài sản ngắn hạn	**99.9**	**89.3**	**74.7**	**92.4**	**98.2**
Tiền và tương đương tiền	17.9	17.6	33.5	43.6	36.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	74.4	63.7	32.9	40.8	53.6
Hàng tồn kho	7.41	7.97	8.07	7.94	7.90
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0	0.27	0	0
Tài sản dài hạn	**590**	**579**	**569**	**560**	**551**
Phải thu dài hạn	0.00	0	0	0	0
Tài sản cố định	587	407	399	391	383
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.39	0.86	0.86	0.86	1.52
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	170	169	168	167
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**100**	**56.1**	**28.0**	**68.4**	**77.2**
Nợ ngắn hạn	**100**	**56.1**	**28.0**	**68.4**	**77.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.5	31.2	20.0	9.76	9.35
Phải trả người bán ngắn hạn	2.45	0.16	0.26	0.14	0.15
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**590**	**612**	**616**	**584**	**572**
Vốn chủ sở hữu	**590**	**612**	**616**	**584**	**572**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)